

THỰC TRẠNG, GIẢI PHÁP VIỆC XÂY DỰNG VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH GIA SÚC, GIA CẦM

Nguyễn Ngọc Sơn

Chi cục Chăn nuôi và Thú y Hà Nội

Đề chăn nuôi phát triển hiệu quả, bền vững thì công tác phòng chống dịch bệnh có vai trò hết sức quan trọng chính, vì vậy Luật Thú y cũng đã quy định rất rõ việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc gia cầm (chi tiết tại Thông tư 14 ngày 2/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT). Vùng an toàn dịch bệnh động vật trên cạn là huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (cấp quận huyện); tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được xác định không xảy ra ca bệnh đăng ký an toàn dịch bệnh trong một Khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y trong vùng đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh. Cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn là cơ sở chăn nuôi hoặc một xã, một phường, thị trấn được xác định không xảy ra ca bệnh đăng ký an toàn dịch bệnh trong một khoảng thời gian quy định cho từng bệnh, từng loài động vật và hoạt động thú y tại cơ sở đó bảo đảm kiểm soát được dịch bệnh.

Thời gian qua với sự quan tâm của các cấp các ngành, sự cố gắng nỗ lực của ngành chuyên môn và đồng thuận của người chăn nuôi; công tác xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh trên địa bàn cả nước đã có những chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển, phù hợp với xu thế hội nhập thế giới, xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật. Kết quả từ năm 2016 đến nay, trên địa bàn cả nước đã có 3.705 lượt cơ sở, vùng chăn nuôi tại 52 tỉnh, thành phố được chứng nhận an toàn dịch bệnh (trong đó có các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh đối với nhiều loài động vật, nhiều bệnh), bao gồm 1.462 cơ sở, vùng chăn nuôi gia cầm; 2.039 cơ sở, vùng chăn nuôi lợn và 204 cơ sở, vùng chăn nuôi gia súc khác. Một số tỉnh, thành đạt kết quả cao có số lượng cơ sở an toàn dịch bệnh lớn góp phần thúc đẩy chăn nuôi phát triển và phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu (Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Bình Thuận, Bà Rịa-Vũng Tàu, ...). Riêng với thành phố Hà Nội, có đàn gia súc gia cầm lớn đứng top đầu cả nước, đến nay đã triển khai xây dựng được Vùng an toàn bệnh đại tại 4 quận nội thành (Thanh Xuân, Hoàn Kiếm, Tây Hồ, Ba Đình);

duy trì 38 cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (4 cơ sở chăn nuôi bò, 20 cơ sở chăn nuôi lợn, 11 cơ sở nuôi gà và 2 cơ sở nuôi vịt).

Lợi ích của việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh: Thuận lợi trong công tác kiểm dịch vận chuyển khi xuất bán, được ưu tiên trong việc lựa chọn cung cấp con giống, động vật và sản phẩm động vật. Được phép vận chuyển động vật, sản phẩm động vật ra khỏi vùng dịch, đây là lợi thế rất lớn khi mà diễn biến dịch bệnh động vật hiện nay đang phức tạp. Được xem xét cấp chứng nhận đạt quy phạm thực hành chăn nuôi tốt Việt Nam (VietGAHP), được ưu tiên tham gia các chương trình xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm. Bên cạnh đó, việc xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh còn giảm nguy cơ bị nhiễm bệnh của trại (với tất cả các bệnh), cải tiến và nâng cao việc quản lý trang trại; cung cấp thực phẩm an toàn cho thị trường, nhất là đối với các chuỗi liên kết, từ chăn nuôi, giết mổ đến chế biến tiêu thụ sản phẩm, góp phần tích cực xây dựng và củng cố thương hiệu.

Bên cạnh lợi ích, những khó khăn tồn tại, bất cập: còn nhiều khó khăn khi xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc, gia cầm. Đó là tình trạng chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ đan xen với các cơ sở chăn nuôi tập trung, nhất là các vùng sâu, vùng xa, việc theo dõi giám sát lưu hành vi khuẩn, virus gặp nhiều khó khăn, khó kiểm soát. Công tác tiêm phòng vaccin cho đàn gia súc gia cầm trong chăn nuôi nông hộ gặp nhiều khó khăn; đặc biệt là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, chăn nuôi nhỏ lẻ phân tán, không có chuồng nhốt. Lực lượng thú y cơ sở mỏng, nhận thức của một số người chăn nuôi còn hạn chế, có tư tưởng chủ quan và trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước. Cơ sở hạ tầng trong các vùng quy hoạch chăn nuôi, khuyến khích phát triển chăn nuôi, giết mổ tập trung còn thiếu, chưa đồng bộ nên việc triển khai thực hiện quy hoạch chăn nuôi, giết mổ còn gặp nhiều khó khăn, nhiều trại chăn nuôi còn nằm ngoài vùng quy hoạch, gần khu dân cư. Các cơ sở chăn nuôi chưa đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý,

kiểm soát, xử lý môi trường trong chăn nuôi, nhiều vùng, khu chăn nuôi còn bị ô nhiễm rất khó khăn trong quản lý dịch bệnh.

Hiện nay chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn các tỉnh, thành đã nhiều chuyên biến nhưng thị trường tiêu thụ chỉ phục vụ trong nước là chủ yếu, thị trường xuất khẩu chưa được nhiều, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế về giao thông, địa lý trong xu thế hội nhập. Đến nay phần lớn chỉ có các công ty, doanh nghiệp chăn nuôi chủ động đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch, các trại tư nhân chưa thực sự quan tâm đến việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh do giá cả thị trường không ổn định, giá bán sản phẩm từ cơ sở an toàn dịch, sản phẩm tham gia vào chuỗi chưa có sự khác biệt nhiều so với các sản phẩm bình thường.

Về kinh phí, do phải bố trí kinh phí lấy mẫu, xét nghiệm đối với các loại bệnh khi xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch nên các tỉnh, thành phố chưa có chính sách cụ thể để hỗ trợ cho người chăn nuôi. Mặt khác việc xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh không thuộc tiêu chí bắt buộc đối với cơ sở nên chưa khuyến khích được tổ chức, cá nhân thực hiện. Do kinh phí xét nghiệm hàng năm đối với cơ sở an toàn dịch bệnh (nhất là các trang trại lớn) còn cao; nhiều cơ sở, trang trại đã không duy trì khi không có chính sách hỗ trợ của Nhà nước. Hiện nay, các cơ sở còn phải thực hiện các quy định để được cấp giấy chứng nhận điều kiện chăn nuôi đồng nghĩa với việc thực hiện cả hai loại thủ tục hành chính về điều kiện chăn nuôi và an toàn dịch bệnh.

Định hướng trong thời gian tới: Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án ưu tiên về vùng an toàn dịch bệnh (giai đoạn 2022 – 2030). Tập trung xây dựng thành công các chuỗi, vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh theo quy định của Việt Nam và tiêu chuẩn của OIE (Tổ chức Thú y thế giới) tại vùng Đông Nam Bộ. Từ đó, nhân rộng mô hình, vận dụng xây dựng các vùng an toàn dịch bệnh tại các địa phương khác trên phạm vi cả nước; tạo điều kiện nâng cao năng suất, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững; cung cấp sản phẩm an toàn phục vụ tiêu dùng trong nước, thúc đẩy tăng nhanh xuất khẩu động vật và sản phẩm động vật.

Giải pháp: Xác định vùng và cơ sở an toàn

dịch bệnh động vật, tích hợp vào quy hoạch cấp tỉnh và tổ chức thực hiện theo quy định của Luật Thú y, Luật Quy hoạch, xác định rõ các vùng cần xây dựng để đạt an toàn dịch bệnh theo quy định của Việt Nam và OIE. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT (ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT) quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh, bảo đảm phù hợp, sát thực tế để hướng đến xuất khẩu, đặc biệt về các cơ chế chính sách để đảm bảo kinh phí hoạt động hiệu quả. Tập huấn nâng cao nhận thức của người chăn nuôi về chăn nuôi an toàn dịch bệnh; thông tin truyền thông phổ biến kiến thức về an toàn dịch bệnh tạo nhận thức chung của cộng đồng.

Tăng cường quản lý chăn nuôi trong vùng bảo đảm an toàn dịch bệnh và giai đoạn đầu chủ động phòng bệnh bằng vacxin. Tổ chức chủ động giám sát chứng minh bảo đảm an toàn thực phẩm tại các vùng an toàn dịch bệnh; kiểm soát động vật, sản phẩm động vật ra, vào vùng an toàn dịch bệnh; đặc biệt kiểm soát nghiêm ngặt các trường hợp vận chuyển vào vùng an toàn dịch bệnh; kiểm soát giết mổ động vật và kiểm tra vệ sinh thú y; kịp thời phát hiện động vật được vận chuyển từ bên ngoài vào vùng an toàn dịch bệnh để giết mổ, tiêu thụ. Tổ chức thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu bảo đảm yêu cầu truy xuất nguồn gốc động vật, sản phẩm động vật; có kế hoạch dự phòng để ứng phó trong trường hợp phát hiện mầm bệnh, động vật, sản phẩm động vật mắc bệnh, nghi mắc bệnh.

Duy trì hệ thống tổ chức và tăng cường năng lực thú y các cấp để bảo đảm tổ chức xây dựng thành công, quản lý và duy trì có hiệu quả vùng an toàn dịch bệnh. Thực hiện tốt việc xúc tiến thương mại, hỗ trợ các doanh nghiệp tìm kiếm thị trường xuất khẩu, đàm phán, thống nhất thỏa thuận thú y với các nước để thúc đẩy xuất khẩu động vật, sản phẩm động vật. Nâng cao quản lý, kiểm soát dịch bệnh động vật, bệnh truyền lây giữa người và động vật; đồng thời tổ chức hội nghị, hội thảo để tổng kết, đánh giá nhân rộng mô hình điển hình.

Chắc chắn với những giải pháp trên được các cấp các ngành quan tâm, các tổ chức, cá nhân tham gia chăn nuôi đồng thuận, việc xây dựng vùng cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc gia cầm tiếp tục khởi sắc trong thời gian tới./.

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY MỘT BÀI BÁO KHOA HỌC, GỬI BÀI VÀ LỆ PHÍ

I. TRÌNH BÀY BÀI BÁO KHOA HỌC (Khổ: A4, cỡ chữ: 12, font chữ: Time New Roman. Tổng số trang của bài báo không vượt quá 10 trang).

1. Tên bài tiếng Việt và tiếng Anh (Title)

- Tên bài nói lên nội dung chính của nghiên cứu, vấn đề muốn giải quyết (khoảng 20 từ).
- Sau tên bài là tên tác giả, đơn vị công tác, email và địa chỉ nhận Tạp chí biểu (trường hợp nhiều tác giả thì ghi tác giả chính trước, sau đó là các đồng tác giả (không quá 6 tên tác giả, nếu quá số đó ghi thêm là “cs”). Đánh dấu số thứ tự bên cạnh tên tác giả để ghi chú đơn vị công tác).

2. Tóm tắt (Summary)

Nêu ngắn gọn (khoảng 150 - 250 từ), tóm tắt nội dung chính của bài báo, thể hiện bao gồm mục đích, phương pháp và kết quả chính của bài báo. Tóm tắt có 2 phần: bằng tiếng Việt và tiếng Anh, dưới có ghi từ khóa (keywords) là những từ quan trọng nói lên được nội dung chính của nghiên cứu và đặc trưng chủ đề của bài báo. Từ khóa không quá dài, khoảng 5 - 7 từ.

3. Mở đầu hoặc Đặt vấn đề (Introduction)

Lý do thực hiện nghiên cứu: xuất phát từ tình hình thực tế, vấn đề đang xảy ra, vấn đề đang tồn tại, vấn đề đã và đang được quan tâm, yêu cầu cần thiết phải được làm rõ, yêu cầu từ thực tiễn sản xuất, thông tin từ các nước khác qua tài liệu, những kiến thức nào đã có trước, những tác giả đã và đang làm về vấn đề này vv...

4. Nội dung, nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu (Contents, Materials and Methods)

4.1. Nội dung nghiên cứu

- Có bao nhiêu nội dung cần nghiên cứu (1, 2, 3, 4 vv...), có tiêu đề của từng nội dung phục vụ cho chủ đề nghiên cứu, phải sắp xếp nội dung nghiên cứu theo logic để dẫn đến kết quả mong muốn của đề tài nghiên cứu.
- Trong nội dung chính có thể có thêm những nội dung phụ.

4.2. Nguyên liệu

- Đối tượng, địa điểm, thời gian và phạm vi nghiên cứu.
- Các nguyên vật liệu, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, môi trường, hóa chất, động vật thí nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Nếu sử dụng các phương pháp chuẩn đã được ban hành, cần ghi rõ ký hiệu phương pháp, ví dụ theo TCVN, ISO hoặc AOAC.... Trong trường hợp tự xây dựng thí nghiệm cần phải mô tả chi tiết, thiết lập bảng biểu và các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá vv...

5. Kết quả và thảo luận (Results and Discussion)

- Mục này trình bày những kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu theo từng nội dung. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị hình vẽ, hình ảnh v.v... nên tập trung phân tích những điểm có thể chưa rõ, những sự giống hoặc khác biệt với kết quả của các tác giả khác trong và ngoài nước hoặc kết quả không như kỳ vọng. Có thể phân tích những lý do nào đã dẫn đến những kết quả đạt được như kỳ vọng hoặc ngược lại vv...
- Diễn giải phân tích kết quả, những ưu điểm và hạn chế, tách bạch rõ ràng dữ liệu và suy luận.

- Mỗi liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó. Chứng minh sự đóng góp của tác giả bổ sung cho lý thuyết và kiến thức, hay điều chỉnh những sai sót của các đề tài nghiên cứu trước đó, hoặc là kết quả đóng góp cho thực tiễn giải quyết được vấn đề đặt ra, hoặc là đưa vào sản xuất diện hẹp, hoặc là chuyển giao công nghệ cho nhà sản xuất vv...

6. Kết luận (Conclusion)

- Kết luận cần rút ra được gì qua kết quả nghiên cứu và biểu thị bằng số liệu định lượng.
- Kết luận chỉ thể hiện kết quả nghiên cứu của tác giả theo nội dung nghiên cứu.
- Kết luận không viết theo kiểu giải thích, hoặc lặp lại như phần giới thiệu.
- Kết luận cần ngắn gọn, rõ ràng.

7. Tài liệu tham khảo (Reference)

- Cần viết một số tài liệu tham khảo chính trong và ngoài nước về cùng chủ đề (không quá 10 tài liệu). Ghi rõ tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nguồn tài liệu (tập, số, trang).

II. GỬI BÀI

- Bản thảo là bản điện tử (file mềm) gửi về tòa soạn theo địa chỉ Email: **tckhktthuy@gmail.com** hoặc website: **hoithuyvietnam.org.vn** (mục **Liên hệ**)

- Sau khi xuất bản, tác giả chính trong bài sẽ nhận được 1 quyền miễn phí, gửi về tận nơi theo đường bưu điện.

III. LỆ PHÍ

Lệ phí phản biện, đăng bài: **500.000 đ/bài** gửi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y: Số 86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.

Số tài khoản: **1300 201 220 282**. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long ./.

MẪU PHIẾU ĐẶT MUA TẠP CHÍ KHKT THÚ Y NĂM 2022

Tên người/đơn vị đặt mua:.....Số ĐT:.....

Địa chỉ (ghi cụ thể để gửi Tạp chí):

Đặt mua: Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y năm 2022 (1 năm 8 số)

Số lượng mỗi số:.....quyển x 8 số =quyển

Giá đơn vị: 35.000đ/quyển

Thành tiền: 35.000đ xquyển =đ

(Ghi bằng chữ:.....)

Tiền đặt mua xin gửi tiền mặt qua bưu điện hoặc chuyển khoản về:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y

86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Tài khoản: **1.300 201 220 282**

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long

Ngày / /2022

Người đặt mua
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Phiếu đặt mua có thể gửi theo bưu điện hoặc qua Email: **tckhktthuy@gmail.com**

- Tòa soạn sẽ gửi tới độc giả đúng số lượng vào địa chỉ như đã đăng ký ở trên theo đường bưu điện.